**– Tiết PPCT 61,62,63 Ngày soạn: 18/4/2025**

# BÀI 32: PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

# (Thời gian thực hiện: 3 tiết)

# I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức:

- Phân tích được đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta.

- Trình bày được quá trình hình thành và phát triển; các nguồn lực, thực trạng và định hướng phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích được nội dung liên quan đến các vùng kinh tế trọng điểm.

- Sử dụng số liệu, bản đồ và các nguồn tài liệu khác, nhận xét và giải thích được vấn đề liên quan đến các vùng kinh tế trọng điểm.

### 2. Năng lực:

- Năng lực chung:

+ Giao tiếp và hợp tác: lựa chọn được nội dung, cách giao tiếp phù hợp khi trao đổi với bạn và GV.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: tìm kiếm các lập luận minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề cho phù hợp.

# + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau, thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề.

- Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức khoa học Địa lí: định hướng không gian, xác định vị trí địa lí và quy mô lãnh thổ của các vùng trọng điểm kinh tế. Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế của các vùng kinh tế trọng điểm.

+ Tìm hiểu địa lí: Tìm kiếm thông tin về các vùng kinh tế trọng điểm từ những trang web.

### 3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tìm tòi, sáng tạo trong học tập.

- Trách nhiệm: tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

### 1. Giáo viên

- Máy tính, TV.

- Bản đồ các vùng kinh tế trọng điểm.

- Bảng số liệu về các vùng kinh tế trọng điểm.

- Phiếu học tập.

- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

**2. Học sinh**

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**A. Ổn định lớp**

**B. Bài mới**

### 1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

**a) Mục tiêu:**

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS và chủ đề bài học.

- Tạo hứng thú, kích thích trí tò mò của HS.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Vòng quanh Việt Nam”.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh (HS đặt lá cờ đúng vào vị trí của các tỉnh, TP: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Đồng Nai, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bà Rịa – Vũng Tàu, Quảng Ngãi).

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp trò chơi.

– Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Vòng quanh Việt Nam”.

+ GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm sẽ được quy định một màu cờ khác nhau.

+ GV chuẩn bị 1 bản đồ Việt Nam khổ lớn trải ra giữa lớp hoặc treo trên bảng, có ranh giới nhưng không có tên tỉnh, thành. GV phổ biến luật chơi cho HS.

+ Các nhóm cử đại diện lần lượt lắng nghe khẩu hiệu của GV: “Vòng quanh Việt Nam, bay đến tỉnh hoặc thành phố…..”.

+ Sau khi các nhóm nghe khẩu hiệu và biết được tên tỉnh và thành phố cần xác định, trong thời gian đếm ngược 10 giây, nhóm nào đặt đúng và nhanh nhất lá cờ của mình vào đúng vị trí tỉnh hay thành phố đó trên bản đồ Việt Nam nhóm đó giành được điểm.

+ Sau 10 lượt, nhóm nào giành được nhiều điểm nhất, nhóm đó giành chiến thắng chung cuộc.

+ Các tỉnh và thành phố lần lượt được GV nêu tên: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Đồng Nai, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bà Rịa – Vũng Tàu, Quảng Ngãi.

Sau khi kết thúc trò chơi, GV đặt câu hỏi: *“Theo các em, những tỉnh và thành phố mà chúng ta đã đặt lá cờ trên bản đồ Việt Nam qua trò chơi vừa rồi có liên quan gì đến nhau không? Giải thích?”*

– Bước 2: HS tiến hành trò chơi theo sự hướng dẫn của GV.

– Bước 3: GV gọi đại diện một số HS trả lời và nêu ý kiến cá nhân về vấn đề GV đặt ra.

– Bước 4: GV tóm tắt các ý kiến của HS, nhận xét, khen ngợi tinh thần học tập của HS và kết nối vào bài mới.

**2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**

**2.1. Tìm hiểu về đặc điểm vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta**

**a) Mục tiêu:** Phân tích được đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta.

**b) Nội dung:** GVyêu cầu HS đọc thông tin mục I trang 155 SGK và hoàn thành phiếu học tập:

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **Nhiệm vụ:** *Dựa vào những thông tin về các vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam rút ra đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm.*  - Hội tụ các yếu tố thuận lợi về ………………………………………………..., tạo nên ………….. lớn cho phát triển kinh tế – xã hội.  - Được ……………... đầu tư, từ đó tạo khả năng phát triển ……………….. về công nghiệp, dịch vụ, tăng tốc độ phát triển và có thể …………. đến các lãnh thổ khác.  - Có đóng góp lớn cho quốc gia, giữ vai trò …………… trong sự phát triển chung của cả nước.  - Số lượng và phạm vi lãnh thổ của các vùng kinh tế trọng điểm ………… phù hợp với sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. |

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **Nhiệm vụ:** *Dựa vào những thông tin về các vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam rút ra đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm.*  - Hội tụ các yếu tố thuận lợi về *vị trí địa lí, nguồn lực tự nhiên và nguồn lực kinh tế – xã hội*, tạo nên *tiềm lực* lớn cho phát triển kinh tế – xã hội.  - Được *ưu tiên* đầu tư, từ đó tạo khả năng phát triển *các ngành mới* về công nghiệp, dịch vụ, tăng tốc độ phát triển và có thể *lan tỏa* đến các lãnh thổ khác.  - Có đóng góp lớn cho quốc gia, giữ vai trò *động lực* trong sự phát triển chung của cả nước.  - Số lượng và phạm vi lãnh thổ của các vùng kinh tế trọng điểm *thay đổi* phù hợp với sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

– Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS đọc thông tin mục I trang 155 SGK và hoàn thành phiếu học tập.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 3: GV mời đại diện HS trình bày, các HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

#### 2.2. Tìm hiểu về các vùng kinh tế trọng điểm

**a) Mục tiêu:** Trình bày được quá trình hình thành và phát triển; các nguồn lực, thực trạng và định hướng phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS đọc SGK mục II trang 155, hoàn thành phiếu học tập.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **II. Các vùng kinh tế trọng điểm**  **1. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ**  ***a/ Quá trình hình thành***  - Năm thành lập:  - Các tỉnh:  - Diện tích:  - Số dân:  ***b/ Nguồn lực phát triển***  \* Vị trí địa lí:  \* Tự nhiên:  \* Kinh tế - xã hội:  ***c/ Thực trạng phát triển***  - GRDP:  - Cơ cấu kinh tế:  - Đầu tư nước ngoài:  - Các ngành kinh tế nổi bật:  ***d/ Định hướng phát triển***  **2. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung**  ***a/ Quá trình hình thành***  ***a/ Quá trình hình thành***  - Năm thành lập:  - Các tỉnh:  - Diện tích:  - Số dân:  ***b/ Nguồn lực phát triển***  \* Vị trí địa lí:  \* Tự nhiên:  \* Kinh tế - xã hội:  ***c/ Thực trạng phát triển***  - GRDP:  - Cơ cấu kinh tế:  - Đầu tư nước ngoài:  - Các ngành kinh tế nổi bật:  ***d/ Định hướng phát triển***  **3. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**  ***a/ Quá trình hình thành***  - Năm thành lập:  - Các tỉnh:  - Diện tích:  - Số dân:  ***b/ Nguồn lực phát triển***  \* Vị trí địa lí:  \* Tự nhiên:  \* Kinh tế - xã hội:  ***c/ Thực trạng phát triển***  - GRDP:  - Cơ cấu kinh tế:  - Đầu tư nước ngoài:  - Các ngành kinh tế nổi bật:  ***d/ Định hướng phát triển***  **4. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long**  ***a/ Quá trình hình thành***  - Năm thành lập:  - Các tỉnh:  - Diện tích:  - Số dân:  ***b/ Nguồn lực phát triển***  \* Vị trí địa lí:  \* Tự nhiên:  \* Kinh tế - xã hội:  ***c/ Thực trạng phát triển***  - GRDP:  - Cơ cấu kinh tế:  - Đầu tư nước ngoài:  - Các ngành kinh tế nổi bật:  ***d/ Định hướng phát triển*** |

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** |
| **II. Các vùng kinh tế trọng điểm**  **1. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ**  ***a/ Quá trình hình thành***  - Năm thành lập:1997.  - Các tỉnh: TP. Hà Nội, Hải Phòng, tỉnh Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương. Năm 2004, vùng được mở rộng thêm tỉnh Vĩnh Phúc và Bắc Ninh.  - Diện tích: hơn 15 nghìn km2 (năm 2021).  - Số dân: 17,6 triệu người (năm 2021).  ***b/ Nguồn lực phát triển***  \* Vị trí địa lí:  - Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là cửa ngõ ra biển của các tỉnh phía Bắc.  - Vùng có hai hành lang và một vành đai kinh tế trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc đi qua; có Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học - công nghệ của cả nước.  \* Tự nhiên:  - Có một số loại khoáng sản quan trọng, trữ lượng lớn như than đá, than nâu, đá vôi,...;  - Có không gian biển để xây dựng các cảng biển và phát triển dịch vụ hàng hải;  - Có lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên với Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long – quần đảo Cát Bà, các bãi biển, danh thắng,...  \* Kinh tế - xã hội:  - Có số dân đông, nguồn lao động dồi dào, tỉ lệ lao động đã qua đào tạo cao nhất nước.  - Có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, có tài nguyên du lịch văn hoá đa dạng với nhiều di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của thế giới.  - Cơ sở hạ tầng được đầu tư và phát triển đồng bộ, hiện đại bậc nhất cả nước.  ***c/ Thực trạng phát triển***  - Quy mô GRDP, tỉ lệ đóng góp vào GDP cả nước chỉ đứng sau Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.  - Cơ cấu kinh tế tương đối hài hoà và chuyển dịch theo hướng hiện đại.  - Năm 2021, vùng thu hút 31,8% tổng số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với 26,9% tổng số vốn đăng kí, đóng góp 32,5% trị giá xuất khẩu của cả nước.  - Các ngành kinh tế nổi bật là công nghiệp (sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất kim loại,...); dịch vụ (tài chính ngân hàng, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, giáo dục - đào tạo,...); nông nghiệp thâm canh, áp dụng công nghệ cao,…  ***d/ Định hướng phát triển***  - Chú trọng phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số;  - Phát triển một số ngành dịch vụ hiện đại, chất lượng cao;  - Các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giá trị gia tăng cao, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu;  - Phát triển kinh tế biển với các ngành vận tải biển, du lịch biển đảo,...  **2. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung**  ***a/ Quá trình hình thành***  - Năm thành lập: 1997.  - Các tỉnh: Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Năm 2004, vùng được bổ sung thêm tỉnh Bình Định.  - Diện tích: hơn 28 nghìn km2 (năm 2021).  - Số dân: 6,6 triệu người (năm 2021).  ***b/ Nguồn lực phát triển***  \* Vị trí địa lí:  - Nằm ở vị trí chiến lược về giao lưu kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây.  - Vùng là cửa ngõ thông ra biển của vùng Tây Nguyên và các nước láng giềng.  \* Tự nhiên:  - Có không gian biển rộng, tài nguyên biển phong phú tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế biển;  - Khoáng sản có cao lanh, cát thuỷ tinh,... chất lượng tốt;  - Có tiềm năng để phát triển điện gió, điện mặt trời,...  \* Kinh tế - xã hội:  - Người dân trong vùng có truyền thống cần cù, tinh thần cách mạng.  - Trong vùng có nhiều di sản văn hoá vật thể và phi vật thể thế giới là những thế mạnh để phát triển du lịch.  - Hệ thống giao thông của vùng khá hiện đại.  ***c/ Thực trạng phát triển***  - Quy mô GRDP của vùng ngày càng tăng nhưng tỉ trọng trong GDP cả nước còn nhỏ.  - Cơ cấu kinh tế thiên về phát triển dịch vụ song chuyển dịch còn chậm.  - Năm 2021, vùng thu hút 4,0% tổng số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với 4,6% tổng số vốn đăng kí, đóng góp 2,6% trị giá xuất khẩu của cả nước.  - Các ngành kinh tế nổi bật là kinh tế biển (giao thông vận tải biển, dịch vụ hàng hải, du lịch biển đảo, khai thác thuỷ sản xa bờ và nuôi trồng thuỷ sản); công nghiệp (sản xuất ô tô và xe có động cơ khác, sản xuất kim loại, sản xuất sản phẩm dẩu mỏ tinh chế, năng lượng tái tạo,...).  ***d/ Định hướng phát triển***  - Tiếp tục phát triển các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và thế giới;  - Phát triển công nghiệp sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế, công nghiệp sản xuất ô tô;  - Phát triển các cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng và các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá.  **3. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**  ***a/ Quá trình hình thành***  - Năm thành lập: 1998.  - Các tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu. Vùng mở rộng thêm các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Long An vào năm 2003 và tỉnh Tiền Giang vào năm 2009.  - Diện tích: hơn 30 nghìn km2 (năm 2021).  - Số dân: 21,8 triệu người (năm 2021).  ***b/ Nguồn lực phát triển***  \* Vị trí địa lí:  - Nằm trên các tuyến giao thông quan trọng, thuận lợi cho giao lưu kinh tế - xã hội cả trong nước và quốc tế.  - Vùng có Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm lớn về kinh tế, khoa học - kĩ thuật, là đầu mối giao thông và giao lưu quốc tế lớn nhất cả nước.  \* Tự nhiên:  - Tài nguyên dầu khí với trữ lượng lớn là thế mạnh nổi bật.  - Có không gian biển thuận lợi cho xây dựng cảng nước sâu, nuôi trồng và khai thác thuỷ sản, du lịch biển,...  - Các điều kiện về đất, khí hậu thích hợp trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả nhiệt đới.  \* Kinh tế - xã hội:  - Vùng có lực lượng lao động dồi dào, tay nghề cao, năng động, sáng tạo, thích ứng với nền kinh tế thị trường.  - Cơ sở hạ tầng phát triển hiện đại và ngày càng hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng.  - Có nhiều chính sách linh hoạt trong thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ,...  ***c/ Thực trạng phát triển***  - Là vùng phát triển kinh tế hàng đầu của cả nước, GRDP của vùng đứng đầu 4 vùng kinh tế trọng điểm.  - Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng hiện đại. Năm 2021, vùng thu hút 54,6% tổng số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với 44,1% tổng số vốn đăng kí và đóng góp 37,1% trị giá xuất khẩu của cả nước.  - Các ngành kinh tế nổi bật là công nghiệp (khai thác, chế biến dầu khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống,...); dịch vụ (cảng biển, du lịch, tài chính ngân hàng, bưu chính viễn thông,...); phát triển cây công nghiệp với mức độ tập trung và trình độ thâm canh cao.  ***d/ Định hướng phát triển***  - Phát triển vùng đi đầu trong khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, xây dựng kinh tế số, xã hội số;  - Phát triển mạnh các dịch vụ tài chính ngân hàng, khoa học - công nghệ, logistics,…  - Thu hút đầu tư các ngành công nghiệp công nghệ cao, các công viên phần mềm, trí tuệ nhân tạo;  - Phát triển kinh tế biển.  **4. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long**  ***a/ Quá trình hình thành***  - Năm thành lập: thành lập muộn nhất, năm 2009.  - Các tỉnh: Thành phố Cần Thơ và 3 tỉnh An Giang, Kiên Giang và Cà Mau.  - Diện tích: hơn 16 nghìn km2 (năm 2021).  - Số dân: 6,1 triệu người (năm 2021).  ***b/ Nguồn lực phát triển***  \* Vị trí địa lí: Có vị trí địa lí thuận lợi và quan trọng đối với quốc phòng an ninh đất nước.  \* Tự nhiên:  - Vùng thuộc hạ lưu của hệ thống sông Mê Công, thuận lợi cho việc phát triển lương thực, thực phẩm. - Tài nguyên khoáng sản có dầu mỏ, khí tự nhiên ở vùng thềm lục địa; đá vôi ở khu vực Hà Tiên, Kiên Lương,....  - Tài nguyên sinh vật biển phong phú, nhiều bãi tắm đẹp, nhiều đảo, thuận lợi cho phát triển nuôi trồng và khai thác thuỷ sản, du lịch.  \* Kinh tế - xã hội:  - Người dân có kinh nghiệm trồng lúa, nuôi trồng và khai thác thuỷ sản. Vùng có nhiều di tích lịch sử, văn hoá tạo thế mạnh để phát triển du lịch.  - Cơ sở hạ tầng ngày càng được phát triển và hoàn thiện, tạo thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, thúc đẩy thương mại và du lịch.  ***c/ Thực trạng phát triển***  - Mặc dù có tiềm năng lớn nhưng kinh tế của vùng chưa thực sự phát triển. Tỉ lệ đóng góp vào GDP cả nước còn khiêm tốn.  - Cơ cấu kinh tế của vùng, tỉ trọng của khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản tuy giảm song còn khá cao.  - Năm 2021, vùng thu hút 0,5% tổng số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với 1,7% tổng số vốn đăng kí và đóng góp 1,2% trị giá xuất khẩu của cả nước.  - Các ngành kinh tế nổi bật là sản xuất lúa gạo, nuôi trồng, khai thác và chế biến thuỷ sản; công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm; công nghiệp sản xuất điện; du lịch,...  ***d/ Định hướng phát triển***  - Phát triển tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao; trở thành vùng nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về nông nghiệp quốc gia và các dịch vụ nông nghiệp;  - Phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, cơ khí, hoá chất phục vụ nông nghiệp;  - Phát triển kinh tế biển. |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kĩ thuậtlàm việc nhóm.

– Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm 5 – 6 HS) và giao nhiệm vụ:

+ HS hoàn thành phiếu học tập của mình.

+ Sau khi hoàn thành phiếu học tập, HS về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 2: Mỗi HS làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 3: GV chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận.

#### – Bước 4: GV nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học về vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:

**1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.**

**Câu 1.** Điểm tương đồng về thế mạnh của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

**A.** lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, vị trí địa lí thuận lợi.

**B.** nguồn lao động khai thác lãnh thổ lâu đời, vị trí địa lí thuận lợi.

**C.** cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật tương đối tốt và đồng bộ.

**D.** tài nguyên thiên nhiên nổi trội là các mỏ dầu khí ở thềm lục địa.

**Câu 2.** So với các vùng kinh tế trọng điểm khác, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có

**A.** trình độ phát triển kinh tế cao nhất. **B.** diện tích nhỏ nhất.

**C.** lịch sử phát triển lâu đời nhất. **D.** nhiều trung tâm công nghiệp nhất.

**Câu 3.** Một trong những định hướng của vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long là phát triển

**A.** công nghiệp công nghệ cao, thủy điện, dịch vụ công nghệ cao.

**B.** dịch vụ cảng biển, điện nguyên tử, lắp ráp ô tô; hoá lọc dầu.

**C.** thủy điện, điện tử, kinh tế biển, kinh tế số, tài chính ngân hàng.

**D.** nông nghiệp hiện đại, hữu cơ, hiệu quả, công nghệ về giống.

**Câu 4.** Ba cực phát triển của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là

**A.** Hà Nội - Hải Phòng - Hải Dương. **B.** Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

**C.** Vĩnh Phúc - Quảng Ninh - Hải Phòng. **D.** Hải Dương - Hải Phòng - Quảng Ninh.

**2. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, HS chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GRDP phân theo ngành kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ,**

**năm 2010 và 2021**

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2021** |
| Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản | 6,5 | 3,9 |
| Công nghiệp và xây dựng | 29,4 | 42,3 |
| Dịch vụ | 50,1 | 43,8 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 14,0 | 10,0 |

**a)** Cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đang có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

**b)** So với năm 2010, tỉ trọng công nghiệp và xây dựng năm 2021 có xu hướng giảm và chiếm cao nhất trong cơ cấu GRDP của vùng.

**c)** Năm 2010 và 2021, tỉ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản luôn chiếm nhỏ nhất trong cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

**d)** Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ năm 2010 và 2021.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là vùng kinh tế phát triển năng động, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế cả nước. Trong vùng có nhiều đô thị lớn, đồng thời cũng là các trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội của vùng và cả nước.

**a)** Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước.

**b)** Tài nguyên khoáng sản giàu có, đặc biệt là than đá.

**c)** Hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, đóng vai trò quan trọng trong việc liên kết phát triển khu vực phía nam và kết nối quốc tế.

**d)** Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, vùng ưu tiên phát triển các doanh nghiệp trong nước để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

**Đáp án: 1C, 2A, 3D, 4B.**

**2. Câu trắc nghiệm đúng sai**

**Câu 1. Đáp án: a,c,d đúng; b : sai.**

**Câu 2. Đáp án: a,c đúng; b,d : sai.**

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

– Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi.

– Bước 2: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV mời một số HS trình bày, HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

**4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực nhận thức, vận dụng kiến thức địa lí để mở rộng, vận dụng vào thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS: Sưu tầm thông tin, tìm hiểu về vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm đối với nước ta.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **1. Khái niệm về vùng kinh tế trọng điểm**  Vùng kinh tế trọng điểm là một bộ phận của quốc gia, hội tụ các điều kiện và yếu tố thuận lợi, có tiềm lực kinh tế lớn, giữ vai trò động lực, đầu tàu thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước.  Hiện nay, Việt Nam có 4 vùng kinh tế trọng điểm:  - Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ  - Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung  - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam  - Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long  **2. Vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm**  a) Động lực phát triển kinh tế của cả nước  - Các vùng VKTĐ chiếm tỉ trọng lớn trong GDP, thu ngân sách, kim ngạch xuất nhập khẩu.  - Là nơi có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.  - Góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế cả nước.  b) Hạt nhân trong hội nhập kinh tế quốc tế  - Tập trung nhiều cảng biển, sân bay quốc tế, các khu thương mại lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất nhập khẩu và giao lưu kinh tế với thế giới.  - Là nơi thu hút FDI mạnh mẽ, tiếp nhận công nghệ và vốn đầu tư nước ngoài.  c) Trung tâm khoa học – công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực  - Tập trung nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm công nghệ cao.  - Là nơi đi đầu trong ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống.  d) Góp phần vào phát triển vùng và giảm khoảng cách phát triển  - Thúc đẩy sự liên kết vùng, hỗ trợ phát triển các vùng kinh tế kém năng động hơn.  - Góp phần vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng sống người dân.  Các vùng kinh tế trọng điểm có vai trò then chốt trong chiến lược phát triển kinh tế quốc gia. Đây là nơi tập trung nguồn lực, hạ tầng, và tiềm năng phát triển lớn nhất, tạo động lực lan tỏa tới các khu vực khác, góp phần đưa Việt Nam phát triển nhanh và bền vững. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

– Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

– Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.

– Bước 4: GV nhận xét bài làm của HS.

**C. Hướng dẫn về nhà**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 33: Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.

Tư liệu bài học:

+ 4 vùng KTTĐ: <https://namdinhvu.com/cac-vung-kinh-te-trong-diem-cua-viet-nam-nam-2023/>

[+ 4 vùng KTTĐ: https://media.chinhphu.vn/video/thuc-day-4-vung-kinh-te-trong-diem-tang-toc-1757.htm](+%204%20vùng%20KTTĐ:%20https://media.chinhphu.vn/video/thuc-day-4-vung-kinh-te-trong-diem-tang-toc-1757.htm)

+ Vùng KTTĐ Bắc Bộ: <https://www.youtube.com/watch?v=Wj0-s_hwYgc>; <https://diendandoanhnghiep.vn/video/truc-tiep-dien-dan-doanh-nghiep-trong-dinh-huong-phat-trien-vung-kinh-te-trong-diem-bac-bo-163714.html>

+ Vùng KTTĐ miền Trung: <https://www.youtube.com/watch?v=7wb3LmLtzb0>

+ Vùng KTTĐ phía Nam: <https://www.youtube.com/watch?v=agYzgYMZczY>

+ Vùng KTTĐ vùng ĐBSCL: <https://canvato.net/sl/965sK>